

Số: 214/QĐ-THCSYĐ

Yên Đức, ngày 10 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I
Năm 2025 của trường THCS Yên Đức**

Căn cứ theo điều 11 Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số: 1185/QĐ-PGD&ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố Đông Triều "Về việc giao dự toán ngân sách năm 2025";

Căn cứ kết quả thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý I năm 2025;

Xét đề nghị của tổ Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 của trường THCS Yên Đức (theo biểu số 03 chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ văn phòng, nhân viên kế toán, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3(t/h);
- Lưu: VT, KT.



Đông Triều, ngày 10 tháng 04 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 214 /QĐ-THCSYĐ ngày 10/04/2025)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2025	Thực hiện quý I năm 2025
1	2	3	4
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	
I	Số thu phí, lệ phí	136.100.000	-
1	Học phí	136.100.000	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.523.208.000	1.016.220.204
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.523.208.000	1.016.220.204
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.921.818.000	1.016.220.204
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>4.145.870.000</u>	<u>971.922.437</u>
	Mục 6000: Tiền lương	1.905.304.000	533.939.220
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		13.317.600
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.293.383.648	264.779.658
	Mục 6200: Tiền thưởng	12.636.000	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	15.000.000	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	919.546.352	155.042.159
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		4.843.800
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>695.948.000</u>	<u>35.682.767</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	38.500.000	3.872.767
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	48.500.000	5.042.000
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	46.800.000	3.168.000
	Mục 6650: Hội nghị	6.500.000	
	Mục 6700: Công tác phí	50.284.000	1.500.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	141.000.000	12.480.000
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	155.728.000	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	50.000.000	

	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	158.636.000	9.620.000
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		
3	Các khoản chi khác	80.000.000	8.615.000
	Mục 7750: Chi khác	80.000.000	8.615.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.601.390.000	-
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	95.470.000	
	Mua sắm thiết bị	1.177.000.000	
	Cấp bù học phí	50.700.000	
	Chi hỗ trợ MGHP ND 81, NQ21	88.320.000	
	Chi hỗ trợ CPHT ND 81, NQ22	16.200.000	
	Hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật kỳ	139.840.000	
	Kinh phí phần mềm LMS	7.000.000	
	Chi tiền BDTX cho CBQL và giáo viên	6.400.000	
	Chi sách thư viện	20.460.000	

NGƯỜI LẬP

Ngô Thị Thành

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Kim Oanh